

Số: 59/QĐ-MNNH

Ninh Hải, ngày 22 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023
của Trường mầm non Ninh Hải**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán năm ngân sách năm 2023;

Xét đề nghị của tổ trưởng tổ văn phòng về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Trường Mầm non Ninh Hải .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường mầm non Ninh Hải (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, tổ trưởng tổ văn phòng và các tổ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC Huyện
- Lưu :VT, ...

P. HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Liên

Ninh Hải, ngày 22 tháng 03 năm 2024

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NSNN
NĂM 2023 CỦA TRƯỜNG MẦM NON NINH HẢI**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường mầm non Ninh Hải công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 như sau:

1. Nguồn kinh phí được cấp bổ sung sử dụng trong năm 2023: 984.400.000đ.
trong đó

+ Kinh phí thường xuyên tự chủ: 465.600.000đ

+ Kinh phí thường xuyên không tự chủ: 518.800.000đ

2. Kinh phí đã thực hiện :

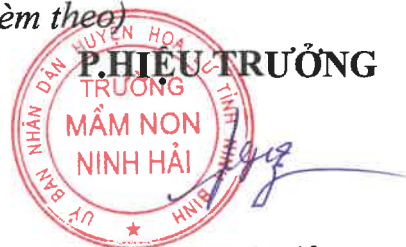
- Tổng kinh phí đã chi thực hiện năm 2023: 7.036.409.400đ. Trong đó

+ Kinh phí thường xuyên tự chủ: 6.409.100.000đ

+ Kinh phí thường xuyên không tự chủ: 627.309.400đ

(Chi tiết biểu số 3 kèm theo)

Nơi nhận:
- Lưu VT; KT



Đinh Thị Liên

Đơn vị: Trường mầm non Ninh Hải
Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 53/QĐ-MNNH ngày 22/03/2024 của Trường mầm non Ninh Hải)



(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Học phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Học phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.039,4	7.039,4	100,00	
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.039,4	7.039,4	100,00	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.039,4	7.039,4	100,0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	630,3	630,3	100,0	
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	2,0	2,0	100,0	
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	2,0	2,0	100,0	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	2,7	2,7	100,0	
	Tiền ăn	2,7	2,7	100,0	
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	224,5	224,5	100,0	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	224,5	224,5	100,0	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	289,8	289,8	100,0	
	Chi mua hàng hóa, vật tư	289,8	289,8	100,0	
	Mua sắm tài sản vô hình	77,3	77,3	100,0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	77,3	77,3	100,0	
	Chi khác	2,0	2,0	100,0	
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	2,0	2,0	100,0	
	Lương và các khoản trích theo lương; các khoản có tính chất lương	11,5	11,5	100,0	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	11,5	11,5	100,0	
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	15,0	15,0	100,0	
	Khác	15,0	15,0	100,0	
	Chi khác	5,5	5,5	100,0	
	Chi các khoản phí và lệ phí	5,5	5,5	100,0	
3.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	6.409,1	6.409,1	100,0	
I	Lương và các khoản trích theo lương; các khoản có tính chất lương	4.915,7	4.915,7	100,0	
	Lương theo ngạch bậc	2.674,1	2.674,1	100,0	
	Lương hợp đồng thường xuyên	44,4	44,4	100,0	
	Phụ cấp chức vụ	37,3	37,3	100,0	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	937,3	937,3	100,0	
	Phụ cấp trách nhiệm	3,9	3,9	100,0	
	Phụ cấp thâm niên nghề	476,7	476,7	100,0	
	Bảo hiểm xã hội	549,2	549,2	100,0	
	Bảo hiểm y tế	96,8	96,8	100,0	
	Kinh phí công đoàn	64,6	64,6	100,0	
	Bảo hiểm thất nghiệp	31,4	31,4	100,0	
II	Chi nghiệp vụ	1.493,4	1.493,4	100,0	
	Thanh toán dịch vụ công cộng, thông tin tuyên truyền, liên lạc	54,1	54,1	100,0	
	Tiền điện	24,4	24,4	100,0	
	Tiền nước	29,7	29,7	100,0	
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	1,0	1,0	100,0	
	Khác	1,0	1,0	100,0	
	Vật tư văn phòng	156,5	156,5	100,0	
	Văn phòng phẩm	39,1	39,1	100,0	
	Công cụ dụng cụ văn phòng	11,0	11,0	100,0	
	Vật tư văn phòng khác	106,3	106,3	100,0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Chi phí thuê mướn	119,8	119,8	100,0	
	Thuê lao động trong nước	59,0	59,0	100,0	
	Chi phí thuê mướn khác	53,5	53,5	100,0	
	Thuê thiết bị các loại	7,2	7,2		
	Tiền thưởng	23,9	23,9	100,0	
	Tiền khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm học 2022-2023	23,9	23,9	100,0	
	Chi chuyên môn nghiệp vụ	288,1	288,1	100,0	
	Chi mua hàng hóa vật tư	80,9	80,9	100,0	
	Chi khác	200,2	200,2	100,0	
	Đồng phục, trang phục bảo hộ lao động	7,0	7,0		
	Phúc lợi tập thể	371,2	371,2	100,0	
	Chi khác	371,2	371,2	100,0	
	Chi khác	68,1	68,1	100,0	
	Các khoản chi khác	68,1	68,1	100,0	
	Chi cho các sự kiện lớn	23,0	23,0	100,0	
	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn	23,0	23,0	100,0	
	Công tác phí	19,1	19,1	100,0	
	Khoản công tác phí	19,1	19,1	100,0	
	Mua sắm tài sản vô hình	14,0	14,0	100,0	
	Chi duy trì phần mềm	14,0	14,0	100,0	
	Chi phí khác	12,8	12,8	100,0	
	Chi các khoản phí và lệ phí	10,0	10,0	100,0	
	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	2,8	2,8	100,0	
	Các khoản thanh toán khác cho các nhân	271,3	271,3	100,0	
	Chi khác	271,3	271,3	100,0	
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	42,3	42,3	100,0	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	29,3	29,3	100,0	
	Tài sản và thiết bị văn phòng	6,7	6,7	100,0	
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	6,3	6,3	100,0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	28,3	28,3	100,0	
	Tài sản và thiết bị khác	28,3	28,3	100,0	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ninh Hải, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đinh Thị Liên